



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 1

Unit 2 In the dining room · Lesson 2–3 (SGK tr. 10–11)



Tuần 3

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Write the letter – viết chữ C hoa, c thường theo mẫu

Mẫu: Cc Cc Cc

Mỗi dòng một chữ: dòng trên chữ C hoa, dòng dưới chữ c thường. Chưa cần viết từ.

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu

ake

ar

at

up

Bài 3: Count – đếm hình rồi viết số



Bài 4: Match – bố mẹ đọc từ, bé nối hình với từ



car



cup



ball



cat



cake

Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

1. Bố mẹ đọc «cake» – chữ cái đầu là:

☐ b ☐ c

2. Bố mẹ đọc «car» – chữ cái đầu là:

☐ c ☐ b

3. Bố mẹ đọc «cat» – chữ cái đầu là:

☐ b ☐ c

4. Bố mẹ đọc «cup» – chữ cái đầu là:

☐ c ☐ b

Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

1. Bố mẹ đọc: «I have a car.» Câu này nghĩa là:

☐ A Tôi có một con mèo. ☐ B Tôi có một chiếc ô tô.

2. Bố mẹ đọc: «I have a cat.» Câu này nghĩa là:

☐ A Tôi có một con mèo. ☐ B Tôi có một chiếc ô tô.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 1

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 3

Bài 1: Write the letter – viết chữ C hoa, c thường theo mẫu

Cc

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu

- cake - car - cat - cup

Bài 3: Count – đếm hình rồi viết số

5 2 4

Bài 4: Match – bố mẹ đọc từ, bé nối hình với từ

- cake - car - cat - cup - ball

Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

1. **B** (c) 2. **A** (c) 3. **B** (c) 4. **A** (c)

Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

1. **B** (Tớ có một chiếc ô tô.) 2. **A** (Tớ có một con mèo.)

onthi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5